



HƯỚNG TỚI MỤC TIÊU NÂNG XẾP HẠNG TÍN NHIỆM QUỐC GIA LÊN MỨC ĐẦU TƯ VÀO NĂM 2030

TRƯƠNG HÙNG LONG - Cục trưởng Cục Quản lý nợ và Tài chính đối ngoại (Bộ Tài chính)

Trong bối cảnh Việt Nam trở thành nước thu nhập trung bình thấp, mở ra cơ hội tiếp cận nhiều hơn từ nguồn vốn vay thương mại nước ngoài, việc cải thiện xếp hạng tín nhiệm quốc gia sẽ giúp Chính phủ, doanh nghiệp, định chế tài chính và các tổ chức tín dụng đạt hiệu quả chi phí cao hơn khi huy động vốn vay hoặc phát hành trái phiếu ra thị trường vốn quốc tế. Để nâng cao vị thế, uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế, Bộ Tài chính đã trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án cải thiện xếp hạng tín nhiệm quốc gia đến năm 2030 (tại Quyết định số 412/QĐ-TTg ngày 31/3/2022), trong đó đặt mục tiêu đến năm 2030 phấn đấu nâng xếp hạng tín nhiệm quốc gia lên mức Đầu tư.

Ý nghĩa của hệ số tín nhiệm quốc gia

Hệ số tín nhiệm quốc gia (hay còn gọi là mức xếp hạng tín nhiệm (XHTN) quốc gia) phản ánh khả năng và mức độ sẵn sàng trong tương lai của một quốc gia trong việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi của Chính phủ một cách đầy đủ, đúng hạn. Hệ số này là thước đo định tính về khả năng vỡ nợ của Chính phủ, do các cơ quan XHTN đưa ra dựa trên đánh giá định lượng về các chỉ số nợ, thu chi ngân sách, dự trữ ngoại hối, tăng trưởng kinh tế, lạm phát, đầu tư, lãi suất... cũng như đánh giá định tính về tình hình chính trị và triển vọng kinh tế vĩ mô trong tương lai.

XHTN quốc gia đóng vai trò quan trọng trong việc xác định khả năng tiếp cận nguồn vốn quốc tế của Chính phủ, cũng như các thành phần kinh tế khác trong một quốc gia và ảnh hưởng lớn tới chi phí vốn vay thương mại của Chính phủ, các doanh

nh nghiệp (DN), tổ chức tín dụng (TCTD) và các tổ chức khác trên thị trường vốn quốc tế. Các mức XHTN được chia theo 2 nhóm lớn: Nhóm XHTN ở mức “Đầu tư” và nhóm XHTN ở mức “Đầu cơ”. Những quốc gia có hệ số tín nhiệm cao và thuộc nhóm XHTN ở mức “Đầu tư” được hưởng chi phí huy động vốn rẻ, các kênh vay vốn đa dạng hơn. Việc cải thiện hệ số tín nhiệm sẽ giúp quốc gia phát triển thị trường vốn trong nước, theo đó giảm chi phí vay và mở ra các kênh huy động vốn cả trong nước và nước ngoài.

Thông qua kết quả XHTN tích cực, quốc gia thể hiện cam kết về tính minh bạch, có khuôn khổ pháp lý đáng tin cậy và dễ dự báo, có khả năng thu hút được dòng vốn đầu tư lớn với chi phí thấp. Việc thực hiện đánh giá XHTN là điều kiện tiên quyết của thị trường vốn, giúp nhà phát hành (kể cả Chính phủ và DN) có thể tiếp cận được nhiều thị trường vốn khác nhau. Một số thị trường thậm chí còn yêu

cầu XHTN phải đạt mức tối thiểu. Thông thường, mức XHTN càng cao thì chi phí vay càng giảm.

Việt Nam đã trở thành nước thu nhập trung bình thấp, không còn được tiếp cận vốn vay ưu đãi, phải dựa nhiều hơn vào vay thương mại, việc cải thiện XHTN quốc gia sẽ giúp Chính phủ, DN, định chế tài chính nhà nước và các TCTD khi huy động vốn vay hoặc phát hành trái phiếu ra thị trường vốn quốc tế có thể giảm được chi phí huy động vốn. Vì vậy, trong công tác đánh giá XHTN của quốc gia cần tiếp tục nỗ lực cải thiện chất lượng hơn nữa, đặt ra mục tiêu, định hướng cụ thể cho công tác điều hành, phối hợp vĩ mô trong trung và dài hạn.

Cơ sở và phương pháp đánh giá xếp hạng tín nhiệm quốc gia của các tổ chức xếp hạng

Qua nghiên cứu phương pháp luận của các tổ chức XHTN, cả 3 tổ chức Moody's, S&P và Fitch đều xem xét XHTN quốc gia ở bốn nhân tố chính gồm: Năng lực thể chế (có tỷ trọng điểm số chiếm từ 17%-25%); Hiệu quả hoạt động kinh tế và tiền tệ (tỷ trọng từ 22%-42%); Tài chính công (tài khoá và nợ công) (tỷ trọng 18%-30%) và Tài chính đối ngoại (tỷ trọng 18%-24%). Các nhân tố này được đánh giá trên phương diện định lượng và định tính, chấm điểm hồ sơ tín dụng để đưa ra mức XHTN quốc gia.

Những năm gần đây, thế giới đã đối diện với nhiều thách thức toàn cầu về biến đổi khí hậu, về xã hội; các thách thức này mang lại những rủi ro mới cho nhà đầu tư. Cả ba tổ chức XHTN đã ban hành phương pháp xem xét chỉ tiêu Môi trường - Xã hội - Quản trị (ESG) trong phương pháp luận xếp hạng quốc gia. Các nguy cơ chủ yếu các tổ chức XHTN

đang tập trung vào hiện nay là rủi ro khí hậu và rủi ro chuyển đổi năng lượng, hiện không có liên kết định lượng với xếp hạng rủi ro quốc gia.

Nhìn chung, các tổ chức XHTN đánh giá cao Việt Nam trên khía cạnh sức mạnh kinh tế, theo đó cơ cấu kinh tế đa dạng, tốc độ tăng trưởng và mức độ cạnh tranh cao, có triển vọng tốt trong trung và dài hạn. Sức mạnh tài khoá cũng được đánh giá vượt trội so với các quốc gia cùng mức xếp hạng. Yếu tố kìm hãm chính đối với XHTN của Việt Nam đến từ các tồn tại mang tính cơ cấu về thể chế và quản trị, cũng như khả năng dễ bị tổn thương trước rủi ro biến cố phát sinh chủ yếu từ chất lượng tài sản và rủi ro hệ thống ngân hàng, thu nhập bình quân đầu người và chỉ số phát triển con người còn thấp.

Diễn biến hệ số tín nhiệm quốc gia của Việt Nam

Trước thời điểm Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án nâng cao hệ số tín nhiệm quốc gia giai đoạn 2013 - 2020 (tại Quyết định số 304/QĐ-TTg), hệ số tín nhiệm quốc gia của Việt Nam được tổ chức Moody's đánh giá ở mức B1, triển vọng Ổn định; S&P đánh giá ở mức BB- Ổn định, Fitch đánh giá ở mức B+ Ổn định.

Sau gần 10 năm Bộ Tài chính là cơ quan được Chính phủ giao nhiệm vụ chủ trì thực hiện đánh giá XHTN của Việt Nam, diễn biến mức XHTN đảm bảo được đánh giá tích cực, hệ số tín nhiệm liên tục tăng. Cụ thể, năm 2014, cả hai tổ chức Moody's và Fitch đều nâng hệ số tín nhiệm của Việt Nam lên mức B1 và BB-. Năm 2018, cả 2 tổ chức này tiếp tục nâng hệ số tín nhiệm của Việt Nam lên 1 bậc.

Giai đoạn 2020 - 2022 là giai đoạn hết sức đặc biệt

khi năm 2020 toàn cầu chịu ảnh hưởng nặng nề của đại dịch COVID-19 diễn biến phức tạp. Tính cả năm 2020, đã có tổng cộng 89 lượt hạ bậc XHTN quốc gia, 98 lượt hạ triển vọng xuống Tiêu cực; năm 2021 có tổng cộng 34 lượt hạ bậc XHTN quốc gia, 27 lượt hạ triển vọng xuống Tiêu cực. Tuy nhiên, Việt Nam lại đạt được kết quả tích cực, khi cả 2 tổ chức Moody's và Fitch đều nâng triển vọng của Việt Nam lên "Ổn định", đặc biệt, việc Moody's điều chỉnh tăng hai bậc lên mức Tích cực (bỏ qua mức Ổn định) là chưa từng có trong tiền lệ kể từ khi đại dịch bùng phát.

Tiếp sau đó, năm 2022, bối cảnh kinh tế toàn cầu biến động tiêu cực, nhiều

HÌNH 1: TỔNG QUAN YẾU TỐ CHÍNH TRONG PHƯƠNG PHÁP LUẬN ĐÁNH GIÁ XẾP HẠNG TÍN NHIỆM QUỐC GIA VÀ TRỌNG SỐ XẾP HẠNG



Nguồn: Phương pháp luận XHTN quốc gia của S&P, Moody's và Fitch.

BẢNG 1: TỔNG QUAN ĐÁNH GIÁ CỦA CÁC TỔ CHỨC XẾP HẠNG VỀ HỒ SƠ TÍN NHIỆM QUỐC GIA CỦA VIỆT NAM

Tiêu chí	Moody's	S&P	Fitch
	Phương pháp xếp hạng quốc gia	Phương pháp xếp hạng quốc gia	Phương pháp xếp hạng quốc gia
Cơ sở xếp hạng hiện tại	✓ Tăng trưởng GDP mạnh mẽ và tiềm năng so với các quốc gia cùng hạng ✓ Cải thiện tính minh bạch và kiểm soát chi phí vay của Chính phủ ở mức hợp lý, điều hành chính sách tài khóa thận trọng và tính thanh khoản danh mục của nợ Chính phủ được cải thiện ✓ Vị thế đối ngoại vững chắc ✗ Chất lượng thể chế cần tiếp tục hoàn thiện so với các quốc gia trên thị trường mới nổi ✗ Nguy cơ đối mặt với rủi ro biến đổi khí hậu trong dài hạn ✗ Rủi ro tài chính vĩ mô bắt nguồn từ tăng trưởng tín dụng cao và nợ khu vực doanh nghiệp	✓ Nền kinh tế tiếp tục phát triển vượt trội bất chấp tác động của đại dịch ✓ Triển vọng tăng trưởng mạnh mẽ và trạng thái đối ngoại lành mạnh ✓ Khả năng thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) mạnh mẽ và bền vững ✗ GDP bình quân đầu người khiêm tốn ✗ Yếu kém nội tại của hệ thống thống ngân hàng ✗ Bối cảnh thể chế đang hoàn thiện	✓ Nền kinh tế có khả năng chống chịu bất chấp đại dịch ✓ Tăng cường vùng đệm đối ngoại ✓ Tài chính công ổn định ✗ Nghĩa vụ nợ dự phòng phát sinh từ hệ thống ngân hàng và DNNN lớn ✗ Các chỉ số cấu trúc và mức độ minh bạch cần tiếp tục cải thiện như GDP bình quân đầu người, tiêu chuẩn quản trị, phát triển con người v.v...
Yếu tố tác động xếp hạng	Yếu tố nâng hạng: - Sức mạnh kinh tế duy trì và khả năng thu hút FDI nhờ tái cơ cấu chuỗi cung ứng toàn cầu - Hiệu quả chính sách tài khóa và/hoặc tiền tệ được tăng cường Yếu tố hạ bậc: - Tái xuất hiện bất ổn tài chính dẫn đến lạm phát cao hơn - Hạn chế khả năng duy trì thặng dư cán cân thương mại do bất ổn địa chính trị - Tỷ lệ vốn hóa thấp của NHTM Nhà nước và tốc độ tăng trưởng tín dụng cao, rủi ro tiềm ẩn từ lĩnh vực bất động sản.	Yếu tố nâng hạng: - Khu vực thể chế của Việt Nam được cải thiện đáng kể qua việc tăng cường minh bạch chính sách - Thay đổi thuận lợi trong chính sách củng cố niềm tin của nhà đầu tư Yếu tố hạ bậc: - Điều kiện kinh tế xấu đi nhanh chóng hoặc căng thẳng đáng kể trong hệ thống ngân hàng - Vị thế tài khóa của Chính phủ, đẩy các khoản trả lãi cao hơn 10% tổng thu NSNN	Yếu tố nâng hạng: - Tăng trưởng cao liên tục giúp cải thiện GDP bình quân đầu người - Cải thiện tài chính công thông qua củng cố tài khóa và ổn định nợ Yếu tố hạ bậc: - Thay đổi cơ cấu chính sách dẫn đến mất cân đối kinh tế vĩ mô - Nghĩa vụ nợ dự phòng có biểu hiện tăng dần trên bảng cân đối kế toán quốc gia - Tiếp diễn các hoạt động yếu kém trong lĩnh vực ngân hàng

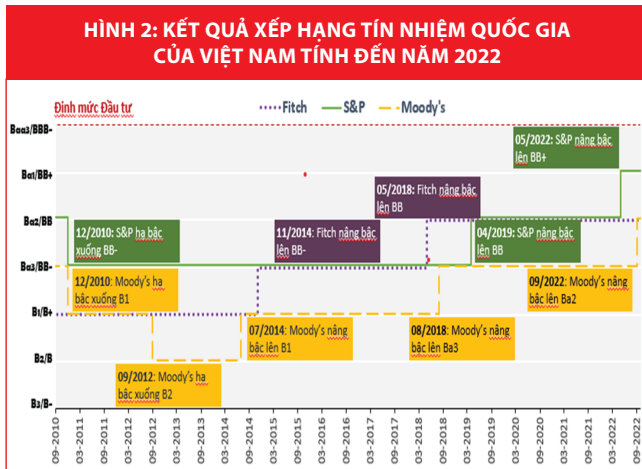
Nguồn: Cục Quản lý nợ và Tài chính đối ngoại (Bộ Tài chính)

quốc gia đối mặt với những bất ổn, rủi ro và hệ quả từ xung đột địa chính trị, bảo hộ thương mại khiến tăng trưởng kinh tế yếu, lạm phát và nợ công tăng cao... Các quốc gia trên thế giới tiếp tục bị các tổ chức XHTN hạ bậc xếp hạng, hạ triển vọng, cụ thể tính từ đầu năm 2022 đến 30/11/2022, có tổng cộng 42 lượt hạ bậc XHTN quốc gia, 39 lượt hạ triển vọng xuống Tích cực. Cùng giai đoạn đó, Việt Nam đã được 2 tổ chức Moody's và S&P nâng hệ số tín nhiệm quốc gia, cụ thể tổ chức S&P quyết định nâng hệ số tín nhiệm quốc gia Việt Nam lên một bậc, từ mức BB lên mức BB+, triển vọng "Ổn định"; tổ chức Moody's quyết định nâng hệ số tín nhiệm quốc gia Việt Nam lên một bậc, từ mức Ba3 triển vọng Tích cực lên mức Ba2 triển vọng Ổn định. Việt Nam là 1 trong 6 quốc gia được tổ chức Moody's nâng hệ số tín nhiệm (trong khi đó có tới 18 quốc gia bị hạ bậc); là 1 trong 12 quốc gia được tổ chức S&P nâng hệ số tín nhiệm.

Cuối năm 2022, suy thoái kinh tế toàn cầu ngày càng hiện hữu, chính sách tiền tệ bị thắt chặt, kinh tế Việt Nam không thể tránh khỏi ảnh hưởng của những biến động bên ngoài. Tuy nhiên, quý III/2022, tổ chức Fitch đã công bố quyết định giữ XHTN quốc gia của Việt Nam ở mức BB, triển vọng Tích cực. Đây được coi là kết quả tốt từ phía tổ chức Fitch, mặc dù tổ chức này quyết định duy trì triển vọng Tích cực thay vì nâng bậc XHTN quốc gia cho Việt Nam. Xem xét các xu hướng toàn cầu, chuyên gia tư vấn cho rằng, kết quả này là minh chứng về sự tin tưởng của Fitch vào triển vọng tăng trưởng mạnh mẽ của Việt Nam và cũng là dấu hiệu Fitch sẵn sàng nâng bậc hệ số tín nhiệm quốc gia của Việt Nam trong năm tới nếu các biến động từ bên ngoài giảm.

Vai trò phối hợp giữa các cơ quan Chính phủ trong xếp hạng tín nhiệm quốc gia

Thực hiện chủ trương của Đảng và Nhà nước về



Nguồn: Cục Quản lý nợ và Tài chính đối ngoại

hội nhập quốc tế và nâng cao vị thế quốc gia; để tạo điều kiện cho Chính phủ tiếp cận thị trường vốn quốc tế, cũng như tăng cường trao đổi, minh bạch thông tin kinh tế - xã hội của Việt Nam đối với cộng đồng quốc tế, Bộ Tài chính xác định việc toàn cầu hoá, hội nhập kinh tế quốc tế và tự do hoá thương mại là xu hướng tất yếu, thì XHTN quốc gia càng đóng vai trò quan trọng. Việc có XHTN quốc gia là điều kiện cơ bản, tiên quyết khi tham gia vào thị trường vốn quốc tế, tạo điều kiện thuận lợi khi tiếp cận với thị trường thông qua việc mở rộng cơ sở các nhà đầu tư cả trực tiếp và gián tiếp do thông tin minh bạch hơn.

Trên cơ sở đó, Bộ Tài chính đã báo cáo Chính phủ để ký kết thỏa thuận với 3 tổ chức XHTN lớn nhất, được chấp nhận chung trên toàn cầu gồm Moody's, Standard&Poor's từ năm 2005 và với Fitch từ năm 2014 để hàng năm thực hiện đánh giá hệ số tín nhiệm đối với Việt Nam. Bên cạnh đó, Thủ tướng Chính phủ đã có Quyết định số 412/QĐ-TTg ngày 31/3/2022 phê duyệt Đề án cải thiện XHTN quốc gia tới năm 2030, theo đó giao Bộ Tài chính là cơ quan chủ trì triển khai các nhiệm vụ về công tác XHTN quốc gia. XHTN quốc gia của Việt Nam trong thời gian qua liên tục được nâng bậc, đặc biệt trong bối cảnh toàn cầu nhiều biến động và thách thức là hết sức tích cực, thể hiện sự đánh giá cao của cộng đồng quốc tế về các nỗ lực chỉ đạo, điều hành của Đảng, Quốc hội và Chính phủ Việt Nam để ổn định và phục hồi kinh tế vĩ mô, củng cố nền tảng chính trị - xã hội.

Bộ Tài chính và các bộ, ngành liên quan đã có nhiều nỗ lực trong việc truyền tải các chính sách, thành tựu của Việt Nam đến các tổ chức XHTN và tổ chức quốc tế. Với vai trò là cơ quan chủ trì, Bộ Tài chính đã phối hợp với các bộ, ngành, đơn vị liên quan duy trì thực hiện đồng bộ các nhiệm vụ nhằm

cải thiện hệ số tín nhiệm quốc gia. Tăng cường hiệu quả thu thập, cung cấp thông tin cho các tổ chức XHTN và tuyên truyền, quảng bá sâu rộng về tình hình kinh tế - xã hội (KT-XH) Việt Nam tới cộng đồng các nhà đầu tư quốc tế; phối hợp chặt chẽ giữa các bộ, cơ quan liên quan trong thực hiện các công việc liên quan đến XHTN quốc gia có chiều hướng cải thiện; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, công nghệ, tạo điều kiện thuận lợi cho việc thực hiện các công việc liên quan đến XHTN quốc gia.

Mục tiêu cải thiện xếp hạng tín nhiệm quốc gia của Việt Nam

Đề án Cải thiện XHTN quốc gia đặt ra mục tiêu tổng quát: Phấn đấu đến năm 2030, Việt Nam là nước đang phát triển, thu nhập trung bình cao; thể chế quản lý ngày càng hoàn thiện, phát triển kinh tế mạnh mẽ trên cơ sở khoa học công nghệ, nâng cao vị thế và uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế, tạo thuận lợi để nâng XHTN quốc gia lên mức Đầu tư, góp phần giảm chi phí huy động vốn, giảm mức rủi ro tín dụng quốc gia. Mục tiêu cụ thể tới năm 2030 đạt mức XHTN từ Baa3 (đối với Moody's) hoặc BBB- (đối với S&P và Fitch) trở lên.

Để đạt được mục tiêu đến năm 2030 Việt Nam đạt mức XHTN Đầu tư, Đề án đã đề xuất các chỉ tiêu cụ thể về tài khóa, tiền tệ, ngân hàng, xã hội, môi trường để cải thiện các nhân tố chính trong hồ sơ tín nhiệm. Việc đạt định mức xếp hạng Đầu tư của Việt Nam phụ thuộc nhiều vào việc tăng trưởng kinh tế mạnh mẽ, để hỗ trợ các chỉ số kinh tế và mở rộng cơ sở thu ngân sách bền vững, nhằm hỗ trợ nền tảng tài khóa. Tốc độ tăng trưởng nhanh chóng của nước ta trong những năm trước đại dịch COVID-19, cùng với kỳ tích tăng trưởng kinh tế vượt trội so với các nước cùng mức xếp hạng trong bối cảnh đại dịch năm 2020 - 2022, khiến các tổ chức xếp hạng liên tục nâng triển vọng và nâng bậc hệ số tín nhiệm quốc gia cho Việt Nam.

Trong thời gian tới, cải thiện hệ số tín nhiệm quốc gia hướng tới định mức Đầu tư sẽ phụ thuộc vào tốc độ cải thiện GDP bình quân đầu người so với các nước cùng mức xếp hạng; duy trì thành quả trong việc bồi đắp tiềm năng tăng trưởng và duy trì tốc độ tăng trưởng kinh tế ổn định trong 5-10 năm tới.

Bên cạnh đó, một số nhóm giải pháp chính nhằm hướng tới mức xếp hạng Đầu tư gồm: Cải thiện chất lượng thể chế, quản trị, tăng cường công khai, minh bạch dữ liệu phù hợp với thông lệ quốc tế; Xây dựng nền tài chính công vững mạnh, mở rộng cơ sở thu bền vững để cải thiện các chỉ số nợ và thúc đẩy cùng

cổ tài khóa; Cải thiện cơ cấu và chất lượng của khu vực ngân hàng và DN nhà nước để giảm rủi ro nghĩa vụ nợ dự phòng đối với ngân sách nhà nước...

Như vậy, để đạt được mục tiêu cải thiện hệ số tín nhiệm quốc gia lên mức Đầu tư cần có sự tham gia tích cực, phối hợp chặt chẽ của toàn bộ các ngành, lĩnh vực, phủ rộng các hoạt động về kinh tế, tài chính - tiền tệ, an sinh xã hội, chất lượng thể chế, quản trị, môi trường...

Kiên trì thực hiện mục tiêu

Tình hình thế giới tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường, tác động của xung đột Nga - Ukraine, gián đoạn chuỗi cung ứng, giá nguyên, nhiên liệu và lương thực tăng cao và rủi ro lạm phát tăng nhanh và việc thắt chặt nhanh chính sách tiền tệ sẽ khiến đà phục hồi tăng trưởng kinh tế toàn cầu chậm lại.



Các tổ chức xếp hạng tín nhiệm đánh giá cao Việt Nam trên khía cạnh sức mạnh kinh tế, theo đó cơ cấu kinh tế đa dạng, tốc độ tăng trưởng và mức độ cạnh tranh cao, có triển vọng tốt trong trung và dài hạn. Sức mạnh tài khoá cũng được đánh giá vượt trội so với các quốc gia cùng mức xếp hạng.



Một số quốc gia đối diện với rủi ro suy thoái và mất an toàn tài chính quốc gia, do cả khu vực nhà nước và tư nhân đã tăng cường vay nợ từ khi đại dịch COVID-19 bùng phát. Sự điều chỉnh chính sách, quan hệ đối ngoại của các nước lớn trong khu vực và trên thế giới diễn biến khó lường. Tăng trưởng kinh tế thế giới và thương mại, đầu tư quốc tế có xu hướng giảm; nợ công toàn cầu tăng, rủi ro trên thị trường tài chính, tiền tệ quốc tế gia tăng.

Đối với Việt Nam, việc duy trì môi trường ổn định chính trị, đảm bảo các cân đối vĩ mô trong thời gian qua là những yếu tố thuận lợi căn bản, tạo niềm tin cho cộng đồng DN và người dân. Kinh tế vĩ mô cơ bản ổn định, chất lượng tăng trưởng từng bước được cải thiện, cơ cấu kinh tế bước đầu dịch chuyển sang chiều sâu, hiệu quả sử dụng các yếu tố đầu vào cho nền kinh tế được nâng cao, môi trường đầu tư được cải thiện. Mặc dù chịu ảnh hưởng của đại dịch

COVID-19 trong 3 năm qua, nhưng Việt Nam vẫn duy trì tăng trưởng GDP dương trong giai đoạn này và được nhiều tổ chức quốc tế đánh giá là quốc gia nổi bật trong số các nước thuộc thị trường mới nổi về khả năng hồi phục kinh tế sau đại dịch.

Trong lĩnh vực tài khóa, trong những năm qua, Việt Nam đã thực hiện kiên trì, hiệu quả chủ trương tái cơ cấu ngân sách nhà nước và nợ công. Xu hướng giảm dần bội chi theo đó giảm gánh nặng nợ công, thực hiện hiệu quả nghiệp vụ quản lý nợ chủ động, siết chặt rủi ro nghĩa vụ nợ dự phòng đối với ngân sách là những biện pháp chính sách chủ động, góp phần đảm bảo bền vững tài khóa, an toàn nợ công. Đây là những kết quả hết sức tích cực và được nhiều tổ chức quốc tế đánh giá cao trong bối cảnh nhiều quốc gia phải gia tăng vay mượn, để ứng phó với đại dịch, dẫn đến bị hạ bậc XHTN, một số nước bị mất khả năng trả nợ.

Tuy nhiên, nền kinh tế nước ta vẫn còn tồn tại, hạn chế và tiềm ẩn nhiều rủi ro, nguy cơ tụt hậu, mắc kẹt trong bẫy thu nhập trung bình còn lớn; trình độ khoa học, công nghệ, năng suất, hiệu quả và sức cạnh tranh còn thấp; độ mở nền kinh tế cao, khả năng chống chịu, thích ứng với tác động bên ngoài còn yếu; mức độ tham gia vào các chuỗi cung ứng toàn cầu và khu vực và năng lực tiếp cận nền kinh tế số, xã hội số còn hạn chế...

Việc Việt Nam gia nhập nhóm quốc gia thu nhập trung bình là dấu mốc quan trọng, mở ra nhiều khả năng mới để quản lý nợ chủ động, hiệu quả. Sự phát triển nhanh chóng của thị trường trái phiếu trong nước đem lại cơ hội huy động nợ tương đối dài hạn với chi phí hợp lý. Tuy nhiên, vẫn tiềm ẩn những rủi ro mang tính cấu trúc của thị trường vốn trong nước. Bên cạnh đó, khủng hoảng do ảnh hưởng của đại dịch COVID-19 đặt ra nhu cầu huy động tài chính ngoài dự kiến trong ngắn hạn và trung hạn; trong điều kiện Việt Nam đã tốt nghiệp điều kiện vay ưu đãi từ Hiệp hội Phát triển quốc tế (IDA) và không được tiếp cận nguồn vốn ưu đãi cao, giá rẻ như trước, nước ta sẽ phải dựa nhiều hơn vào các công cụ thị trường.

Trước những khó khăn, thách thức trên, Việt Nam vẫn kiên trì mục tiêu cải thiện hệ số XHTN quốc gia đến năm 2030 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; nỗ lực triển khai các giải pháp đồng bộ với tầm nhìn dài hạn đã đề ra tại Đề án cải thiện XHTN quốc gia đến năm 2030, góp phần tăng cường uy tín quốc gia trên trường quốc tế và đáp ứng tốt hơn yêu cầu huy động vốn phục vụ phát triển kinh tế - xã hội trong giai đoạn tới.

